

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án: 92/2022/ HSST.

Ngày: 04/03/2022.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan A.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn T

Bà Nguyễn Thị L

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy N - Thư ký TAND TP Thanh H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa:

Ông Hoàng Bá V - Kiểm sát viên

Ngày 04/3/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh H xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 124/2022/HSST ngày 28/01/2022. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2022/QĐXXST - HS ngày 17 tháng 02 năm 2022 đối với bị cáo: **Lê Thị T** - sinh năm 1997; ĐKNKTT và chỗ ở: thôn T, xã T, huyện X, tỉnh H; nghề nghiệp: LĐTD; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: Nữ; trình độ văn hóa: 09/12; con ông Lê Viết C (đã chết) và con bà Nguyễn Thị H; chồng là: Đặng Văn T và có 02 con lớn sinh năm 2018, nhỏ sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ, tạm giam: không; bị cáo được áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Chị Lê Thị Đ - Sinh năm 1987 (Vắng mặt).

ĐKNKTT tại: thôn H, xã X, huyện H, tỉnh H.

Chỗ ở: thôn T, xã P, huyện H, tỉnh H.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị H - Sinh năm: 1970 (Vắng mặt).

Trú tại: Thôn X, phường A, thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Lê Thị T bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh H truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng 17h50' ngày 26/9/2021, Lê Thị T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Future, biển kiểm soát 36B6 - 882.47 đến cửa hàng H ở khu công nghiệp L, phố X, phường A, thành phố H mua hàng. Trong lúc thanh toán tiền, T quan sát thấy 01 chiếc điện thoại Iphone 12 Pro màu vàng của chị Lê Thị Đ, sinh năm 1987 ở thôn T, xã P, huyện H, tỉnh H, đang để trên mặt kính bán hàng cạnh quầy thu ngân, không có người quản lý nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. Sau khi trả tiền xong, T lén lút lấy chiếc điện thoại kẹp phía dưới túi bím vừa mua mang ra khỏi cửa hàng và đi xe về nhà mẹ đẻ ở phố X, phường A, thành phố H cất giấu. Đến ngày 29/9/2021, T được Công an phường A mời đến làm việc và đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và giao nộp chiếc điện thoại trộm cắp được.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 142/Kl - HĐĐGTS ngày 05/10/2021 Hội đồng định giá - UBND thành phố H kết luận 01 chiếc điện thoại Iphone 12 Pro, màu vàng gold, dung lượng 128GB trị giá 21.000.000đ.

Ngày 26/11/2021, Cơ quan CSĐT Công an thành phố TH đã trả 01 điện thoại Iphone 12 Pro, màu vàng gold, dung lượng 128GB cho chủ sở hữu là chị Lê Thị Đ. Chị Đ đã nhận lại tài sản và đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho Lê Thị T.

Đối với chiếc xe mô tô T dùng để đi đến cửa hàng H, kết quả điều tra xác định là xe của chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1970 ở thôn X, phường A, thành phố H (mẹ đẻ Lê Thị T). Chị H không biết việc T sử dụng xe vào việc trộm cắp cũng như không biết T mang chiếc điện thoại trộm cắp được về nhà cất giấu nên không xử lý.

Cáo trạng số 77/CT - VKS - TPTH ngày 26/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H truy tố Lê Thị T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của BLHS.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh H luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của BLHS, đề nghị xử phạt bị cáo từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản do bị cáo chiếm đoạt, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết. Về án phí được giải quyết theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Vào khoảng 17h50' ngày 26/9/2021 tại cửa hàng H ở phố X, phường A, thành phố H, Lê Thị T trộm cắp 01 điện thoại di động Iphone 12 Pro màu vàng gold, trị giá 21.000.000đ của chị Lê Thị Đào.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát luận tội đã đánh giá đúng tính chất hành vi nguy hiểm của tội phạm, đồng thời vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Lê Thị T về tội “Trộm cắp tài sản” như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Bị cáo nhận tội và không có ý kiến tranh luận, lời nói sau cùng xin được giảm nhẹ hình phạt.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi nêu trên của bị cáo Lê Thị T đã phạm vào tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo trong vụ án này thực hiện vào ban ngày, do không có chủ định phạm tội chỉ vì xuất phát từ lòng tham, gặp cơ hội bị cáo đã lợi dụng sự mất cảnh giác của bị hại nhanh chóng tiếp cận và lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản một cách trái pháp luật, là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an nơi công cộng, gây dư luận xấu, cần phải xử lý nghiêm đối với bị cáo.

Vị bị cáo Lê Thị T nhân thân chưa tiền án, tiền sự, phạm tội do bột phát, bản thân bị cáo mới sinh con và nuôi 2 con còn nhỏ, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS là phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải với lỗi lầm của mình; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và bố bị cáo là thương binh, vì lẽ đó việc cách ly khỏi xã hội đối với bị cáo là chưa cần thiết mà cho bị cáo được

cải tạo tại địa phương để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, sớm trở thành người lương thiện.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Công nhận bị hại Lê Thị Đ đã nhận lại tài sản do bị cáo chiếm đoạt.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm 1 Mục I phần A của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của BLHS; khoản 2 Điều 136 của BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội qui định mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm 1 Mục I phần A của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị T 15(mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30(ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Thị T cho Ủy ban nhân dân xã Quảng T, huyện X, tỉnh H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc quản lý, giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của BLHS.

Về trách nhiệm dân sự: Công nhận bị hại Lê Thị Đ đã nhận lại tài sản do bị cáo chiếm đoạt.

Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7B và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc ngày niêm yết bản án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- Bị cáo; bị hại; NLQ;
- VKSND tỉnh H;
- VKSNDTP H;
- Công an TP. H;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Lan Anh